

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **23/2021/HN-ST**

Ngày: 01-6-2021

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Khoa

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Hồ Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Như Điểm – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Huyền T, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã L, huyện X, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ hiện nay: Đường H, phường T, quận P, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Đinh Tiến H, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ hiện nay: Xã L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Huyền T trình bày:

Bà và ông Đinh Tiến H tự nguyện chung sống có tổ chức đám cưới và đăng kết hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ đầu năm 2020, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do lối sống không phù hợp dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi vã. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà T tự xác định bà và ông H không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T tự xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Đinh Tiến H vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 05-01-2021, bà Nguyễn Huyền T có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Đinh Tiến H; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn là ông Đinh Tiến H vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa tiến hành xét xử vắng mặt nguyên bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Huyền T và ông Đinh Tiến H chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn ngày 26-01-2018 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết

hôn số 07 do UBND phường H, thành phố B cấp cùng ngày, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo bà T trình bày, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do quan điểm sống, quan điểm về hôn nhân giữa bà và ông H có nhiều sự khác biệt. Bà đã cố gắng tìm cách hàn gắn khắc phục, cho ông H cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, tình cảm nguội lạnh, hôn nhân không thể cứu vãn nên bà T cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông H được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mời ông H đến làm việc để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của ông H cũng như tạo điều kiện để hòa giải cho vợ chồng ông bà nhưng ông H đều vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông H không có thiện chí đoàn tụ hay hàn gắn gia đình.

Qua xác minh, được biết: Ông Đinh Tiến H và bà Nguyễn Huyền T chung sống hợp pháp, có tổ chức đám cưới vào năm 2018. Gia đình không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng ông H, bà T nhưng xác nhận cách đây một năm, hai vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông H là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định bà và ông H không có con chung, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 227, 228, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Huyền T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Huyền T ly hôn với ông Đinh Tiến H.
2. Về con chung: Bà T và ông H không có con chung.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Huyền T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba

trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003205 ngày 15-01-2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà T đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND Phường H, TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm

